|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH HÀ TĨNH **ĐOÀN GIÁM SÁT**Số: 425/BC-HĐND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 7 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh,**

**giai đoạn 2015-2018**

Thực hiện Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về *“Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2019”* và Quyết định số 08/QĐ-HĐND ngày 01/3/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề về *“Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2018”*, từ ngày 20/4/2019 đến ngày 30/6/2019, Đoàn giám sát đã tổ chức làm việc với: Uỷ ban nhân dân tỉnh và một số sở, ban, ngành, đơn vị liên quan[[1]](#footnote-1); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã[[2]](#footnote-2); tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương trước khi làm việc chính thức.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, giám sát trực tiếp và xem xét các báo cáo của các địa phương, đơn vị, Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Đánh giá chung**

Nhìn chung công tác cải cách hành chính (sau đây gọi tắt là CCHC)được UBND tỉnh, các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về *“Ban hành chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020”*, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 30c/NQ-CP, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 2 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về *“Phê duyệt kế hoạch CCHC Nhà nước giai đoạn 2016-2020”*, và xem đây là một trong những nhiệm vụ đột phá[[3]](#footnote-3) và giải pháp chủ yếu, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều cơ chế, chính sách đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung và triển khai thực hiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp thực tiễn của địa phương. Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) đã tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tiếp tục được cải thiện. Thời gian, trình tự giải quyết TTHC được rút ngắn và bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời. Chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được nâng cao. Tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính nhà nước các cấp được củng cố, sắp xếp, kiện toàn đảm bảo đúng quy định, tinh gọn, hợp lý và phát huy hiệu quả. Tinh giản biên chế được quan tâm; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) được nâng lên. Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc ngày càng được cải thiện. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành được đẩy mạnh. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương các cấp từng bước được nâng cao.

Kết quả CCHC thể hiện ở các chỉ số đánh giá cấp tỉnh: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) trong 03 năm 2015-2017 được duy trì ổn định và ở mức khá[[4]](#footnote-4), năm 2018 tăng 4 bậc so với 2017 và xếp thứ 13 cả nước, xếp thứ nhất các tỉnh cụm Bắc Trung Bộ; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 10 bậc, xếp thứ 23 cả nước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tăng 5 bậc, xếp thứ 7 cả nước; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tăng 12, xếp thứ 4 cả nước.

**2. Công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện**

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP, Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 225/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch hằng năm và kế hoạch chuyên đề[[5]](#footnote-5); đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm quán triệt thực hiện nhiệm vụ CCHC, góp phần tích cực vào thực hiện mục tiêu chung của Kế hoạch CCHC tỉnh giai đoạn 2016 - 2020[[6]](#footnote-6).

Trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh, để phù hợp hơn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm tình hình, hằng năm các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã ban hành Kế hoạch CCHC đảm bảo đúng nội dung, yêu cầu, thời gian quy định; đồng thời chủ động ban hành các văn bản cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương[[7]](#footnote-7). Hầu hết người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp phụ trách công tác CCHC và đa số đều nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình trong quản lý, điều hành, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC.

**2. Công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền về CCHC**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông và các cơ quan liên quan khác để tuyên truyền, giới thiệu, chuyển tải các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy và UBND tỉnh về công tác CCHC.

Trên cơ sở kế hoạch tuyên truyền của tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, với nội dung phong phú như tổ chức hội nghị, thông qua phương tiện thông tin đại chúng, qua các buổi giao ban, phát hành bản tin, tờ tin, cấp phát tài liệu, thi tìm kiếm sáng kiến CCHC...Bên cạnh đó, hình thức tuyên truyền trên trang thông tin điện tử cũng được duy trì thường xuyên với các chuyên mục: Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; dân hỏi cơ quan chức năng trả lời; văn bản mới; thủ tục hành chính[[8]](#footnote-8)… Qua đó, giúp CBCCVC và doanh nghiệp, người dân tìm hiểu, nghiên cứu để có nhận thức đầy đủ, thống nhất về CCHC nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình CCHC trên địa bàn tỉnh cũng như thực hiện các thủ tục hành chính liên quan.

**3. Công tác thanh tra công vụ, kiểm tra việc thực hiện CCHC**

Công tác kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện CCHC được chú trọng. Các sở, ban, ngành, địa phương đã tăng cường tổ chức các đoàn kiểm tra tiến độ, kết quả triển khai nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc; tình hình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức; tiến hành kiểm tra công vụ nhằm xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính[[9]](#footnote-9). Việc kiểm tra, thẩm định chỉ số CCHC được thực hiện nghiêm túc theo quy định; ngoài ra, UBND tỉnh còn tổ chức các đoàn kiểm tra theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất, thành lập Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra về giải quyết TTHC...Thực hiện tốt việc tiếp nhận và kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua kiểm tra, đã phát hiện những tồn tại, hạn chế trong triển khai, thực hiện công tác CCHC, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục; đồng thời kịp thời hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan, đơn vị, cơ sở thực hiện tốt các công việc, lĩnh vực CCHC được phân công, nâng cao hiệu quả công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác thanh tra công vụ được triển khai theo đúng kế hoạch; sau thanh tra đã kịp thời ban hành các kết luận và quan tâm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện[[10]](#footnote-10).

Các cấp, các ngành đã gắn việc thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng, kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC là căn cứ để xét thi đua khen thưởng theo chỉ tiêu hàng năm, qua đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBCCVC và người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

**II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Cải cách thể chế**

Công tác tham gia góp ý xây dựng luật, các nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, quyết định của Chính phủ và các văn bản QPPL của các Bộ, Ngành Trung ương được tỉnh quan tâm thực hiện khi có yêu cầu.

Hằng năm Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp đã tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên môn để tham mưu cho UBND tỉnh, UBND cấp huyện ban hành chương trình về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và rà soát các văn bản được giao quy định chi tiết, kế hoạch về kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; tổ chức quán triệt, cụ thể hóa các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, đặc biệt là về quy trình, thủ tục trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL; qua đó đã tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất trong thực hiện và từng bước nâng cao trách nhiệm của cơ quan soạn thảo đối với công tác xây dựng văn bản QPPL.

Giai đoạn 2015-2018, HĐND, UBND các cấp đã ban hành 1.569 văn bản QPPL: Cấp tỉnh ban hành 286 văn bản QPPL (trong đó có 73 nghị quyết của HĐND tỉnh); cấp huyện, cấp xã ban hành 1.283 văn bản QPPL. Nhìn chung, việc ban hành văn bản QPPL cơ bản tuân thủ đúng quy trình, thủ tục; các dự thảo văn bản được Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thẩm định, được các Ban của HĐND thẩm tra (đối với dự thảo nghị quyết QPPL của HĐND cùng cấp). Chất lượng ban hành văn bản từng bước được nâng cao, bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất và đồng bộ với hệ thống văn bản pháp luật; tính khả thi ngày càng cao.

Công tác tự kiểm tra và kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo thẩm quyền cơ bản được các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định; qua đó, đã kịp thời phát hiện các văn bản QPPL hết hiệu lực, chưa phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế, để đề xuất sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế, góp phần hoàn thiện thể chế, hệ thống văn bản QPPL, cơ chế, chính sách của trung ương và địa phương, đảm bảo tính đồng bộ, khả thi, phù hợp thực tiễn[[11]](#footnote-11). Hàng năm, HĐND các cấp đã tổ chức tốt việc giám sát việc thi hành pháp luật, các chính sách do tỉnh ban hành.

Việc tổ chức thực hiện các văn bản QPPL được quan tâm; hầu hết các văn bản QPPL về chuyên ngành được hướng dẫn, tổ chức triển khai kịp thời. Công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát việc thực hiện văn bản QPPL được chú trọng, kịp thời phát hiện các sai phạm để ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Các nghị quyết của HĐND các cấp về quy hoạch, các cơ chế, chính sách từng bước đi vào cuộc sống, được tập trung nguồn lực để thực hiện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý, điều hành của địa phương.

**2. Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

Nhìn chung thời gian qua, công tác cải cách TTHC đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận; góp phần giảm những hồ sơ, thủ tục rườm rà, phức tạp cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch hành chính; rút ngắn được thời gian, quy trình giải quyết TTHC, giảm phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc; trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, của CBCCVC trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được nâng lên, góp phần tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với người dân theo hướng phục vụ.

***2.1. Về cập nhật công bố, niêm yết, công khai thủ tục hành chính***

Trên cơ sở TTHC do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương ban hành, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành, công bố các TTHC trên các lĩnh vực nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ, thống nhất các quy định về TTHC trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho Nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước. Đến nay, tỉnh đã ban hành 39 Quyết định công bố TTHC đang có hiệu lực với 1.840 thủ tục[[12]](#footnote-12). Các TTHC của tỉnh được cập nhật kịp thời lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đăng tải lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, niêm yết công khai đầy đủ tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đã chủ động, tích cực rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. Việc rà soát TTHC được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực trọng tâm liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp như đầu tư, tài nguyên môi trường, xây dựng, tư pháp - hộ tịch, chế độ chính sách... Qua rà soát đã kịp thời phát hiện, xây dựng phương án đơn giản hóa, kiến nghị, đề xuất các Bộ, Ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các TTHC rườm rà, phức tạp, không cần thiết, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi thực hiện. Đặc biệt, từ năm 2015, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt công tác CCHC với mục tiêu cắt giảm 1/3 thành phần hồ sơ, 1/2 thời gian giải quyết và công bố quy trình nội bộ giải quyết các TTHC, xác định đây là khâu đột phá gắn với việc đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông[[13]](#footnote-13). Đối với các đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, bên cạnh thực hiện các TTHC theo quy định của ngành, đã tích cực triển khai thực hiện việc cắt giảm thời gian theo chủ trương của tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC trên địa bàn.

***2.2. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông***

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ[[14]](#footnote-14) được quan tâm; đến nay toàn tỉnh đã thành lập Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại 262/262 xã, phường, thị trấn; thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công tại 13/13 huyện, thành phố, thị xã.

Tính đến thời điểm hiện tại, số TTHC được đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh là 1.333 thủ tục (các sở, ngành: 1.299 thủ tục, Công an tỉnh: 20 thủ tục, Điện lực Hà Tĩnh: 14 thủ tục) và 203 thủ tục liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh. Đối với cấp huyện, cơ bản các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện đã được đưa vào giải quyết tại Trung tâm, đồng thời một số thủ tục của một số cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn cũng được đưa vào giải quyết tại đây[[15]](#footnote-15). Việc phối hợp giải quyết hồ sơ TTHC giữa Trung tâm Phục vụ hành chính công với các đơn vị chuyên môn của UBND các cấp khá nhịp nhàng, hiệu quả.

Nhìn chung, với chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các Trung tâm như hiện nay đã cơ bản đáp ứng việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Quy trình tiếp nhận, chuyển hồ sơ, xử lý, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 Chính phủ *“Về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”*. Tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc từng bước hạn chế; góp phần giảm chi phí, thời gian, công sức của người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC.

Đội ngũ CBCCVC làm việc tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã cơ bản đảm bảo về tiêu chuẩn chuyên môn và bố trí đủ số lượng; kinh phí thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và chế độ, chính sách được quan tâm[[16]](#footnote-16). Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông bước đầu được đầu tư hiện đại, đồng bộ.

 ***2.3. Kết quả giải quyết TTHC***

Nhìn chung, tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương cơ bản theo đúng quy định của pháp luật; chất lượng giải quyết TTHC có nhiều chuyển biến rõ rệt, ngày càng phục vụ tốt hơn nhu cầu của cá nhân, tổ chức; UBND tỉnh đã có nhiều giải pháp chỉ đạo quyết liệt để khắc phục tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn[[17]](#footnote-17) và chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong giải quyết TTHC cho người dân và tổ chức. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tăng cường trách nhiệm giải trình trong thực hiện TTHC, tăng cường kiểm soát quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã áp dụng việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ *“Về việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích”*[[18]](#footnote-18) hoặc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, nhằm cắt giảm chi phí và thời gian thực hiện TTHC[[19]](#footnote-19).

***2.4. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính***

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và những vướng mắc trong thực hiện các quy định hành chính được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện; tổ chức khá tốt các hình thức tiếp nhận ý kiến đóng góp của người dân và doanh nghiệp về quá trình giải quyết TTHC cũng như tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ CBCCVC. Triển khai thực hiện Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ theo Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cá nhân, tổ chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ *“Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính”*; hàng năm tổ chức Hội nghị gặp mặt doanh nghiệp để nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư cũng như quá trình thực hiện các TTHC. Trong 04 năm, có 20 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính được tiếp nhận và đã xử lý kịp thời theo thẩm quyền.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

UBND tỉnh đã bám sát các chủ trương, quy định về cải cách tổ chức bộ máy, nhất là Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), Kết luận số 92-KL/TU ngày 3/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉ đạo thực hiện việc rà soát, kiện toàn chức năng, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo từng bước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Theo đó, đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 19/21 sở, ban, ngành; thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, 13 Trung tâm Hành chính công cấp huyện; sắp xếp, giảm 29 phòng chuyên môn của các sở, ngành[[20]](#footnote-20); giảm 29 phòng chuyên môn và tổ chức trực thuộc tại các chi cục (ban) thuộc các Sở, ban, ngành[[21]](#footnote-21); hợp nhất một số cơ quan cấp tỉnh đúng lộ trình[[22]](#footnote-22). Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh, đã thành lập và chuyển đổi một số tổ chức hoạt động theo cơ chế phù hợp[[23]](#footnote-23); sắp xếp, kiện toàn 26 Ban Quản lý dự án xây dựng cơ bản ở các đơn vị cấp tỉnh thành 04 Ban Quản lý. Ngoài ra, các ngành, lĩnh vực đã từng bước quan tâm thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo các nghị quyết, chương trình, kế hoạch đã được HĐND, UBND tỉnh phê duyệt[[24]](#footnote-24); các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành đã giảm 37 phòng và tổ chức trực thuộc[[25]](#footnote-25).

 Đối với cấp huyện: Thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan tương đồng về chức năng, nhiệm vụ[[26]](#footnote-26); giảm 24 đơn vị sự nghiệp cấp huyện[[27]](#footnote-27).

 Đối với cấp xã: Thực hiện chủ trương sáp nhập thôn, tổ dân phố, đến nay, toàn tỉnh đã giảm 776 thôn, tổ dân phố (hiện tại toàn tỉnh có 2.061 thôn, tổ dân phố), tương ứng giảm hơn 25.000 cán bộ thôn, tổ dân phố, theo đó tiết kiệm, giảm kinh phí gần 139 tỷ đồng. Hiện nay, UBND tỉnh đang tập trung chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 32/NQ-CP của Chính phủ.

Cùng với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, UBND tỉnh đã chủ động, kịp thời trình HĐND tỉnh ban hành các chính sách[[28]](#footnote-28) nhằm thực hiện có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về tinh giản biên chế, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo hỗ trợ kịp thời, đầy đủ, đúng chính sách, chế độ đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; phù hợp với tình hình thực tiễn, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của địa phương. Từ năm 2015 - 2018 đã giải quyết chế độ cho 775 người (trong đó: công chức 48 người, viên chức 574 người, công chức xã 153 người).

Nhìn chung, việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời gian qua được triển khai đồng bộ, đảm bảo đúng quy định, tạo sự chuyển biến rõ nét; các cơ quan, đơn vị sau khi được thành lập, kiện toàn đã ban hành quy chế làm việc phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo đúng thẩm quyền, từng bước đi vào hoạt động ổn định.

**4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC**

Thực hiện các quy định của Chính phủ về xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức ở các cơ quan hành chính, chức danh nghề nghiệp ở đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh giao Sở Nội vụ thẩm định. Đến nay, có 07/21 sở, ban, ngành được phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực của từng vị trí việc làm[[29]](#footnote-29); phê duyệt danh mục vị trí việc làm và khung năng lực 93 vị trí việc làm trong các cơ quan UBND cấp huyện. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, đã hoàn thành Đề án vị trí việc làm, số người làm việc trình Bộ Nội vụ, tuy nhiên đến nay chưa phê duyệt do chờ sửa đổi quy định pháp luật.

Công tác quản lý, sử dụng đội ngũ CBCCVC trên toàn tỉnh ngày càng chặt chẽ, đi vào nề nếp; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định về phân cấp thẩm quyền để tăng tính chủ động và phát huy trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tuyển dụng, quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đối với CBCCVC. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng và kỷ luật CBCCVC được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, thực hiện nghiêm túc theo đúng thẩm quyền được phân cấp, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ[[30]](#footnote-30). Việc bố trí, sắp xếp, sử dụng CBCCVC cơ bản phù hợp vị trí việc làm, sở trường công tác. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai nhiều biện pháp xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định của đội ngũ CBCCVC trong hoạt động công vụ.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch[[31]](#footnote-31); đội ngũ công chức, viên chức được tuyển dụng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Tỉnh đã quan tâm ban hành một số chính sách thu hút nhân tài, chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao[[32]](#footnote-32).

Việc xây dựng kế hoạch và thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức gắn với công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Nghị định 158/2007/NĐ-CP, Nghị định 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản của tỉnh được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện. Giai đoạn 2015-2018 toàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 1.791 công chức, viên chức[[33]](#footnote-33).

**5. Cải cách tài chính công**

Quan tâm tăng cường việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương theo hướng đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài chính ngân sách nhà nước; hoàn thiện các chế độ, định mức phân bổ, định mức chi tiêu; tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý hành chính và ngân sách ở các cấp.

Thực hiện các quy định của Chính phủ, UBND tỉnh đã triển khai chỉ đạo công tác cải cách tài chính công tập trung vào thực hiện mạnh mẽ cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Qua triển khai, trên địa bàn tỉnh hiện có 321/344 đơn vị hành chính, 908/908 đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định[[34]](#footnote-34), tương ứng với tiết kiệm chi thu nhập tăng thêm khoảng 336,424 tỷ đồng; tăng quyền chủ động cho các tổ chức khoa học và công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ, liên doanh, liên kết, đến nay 05/05 đơn vị đã được giao tự chủ[[35]](#footnote-35).

 Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và điều hành dự toán chi ngân sách theo các định mức, tiêu chuẩn của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ, chủ động tiết kiệm kinh phí để tăng thu nhập cho CBCCVC.

Ngoài ra, tỉnh đã ban hành một số chính sách đặc thù đảm bảo an sinh xã hội[[36]](#footnote-36) cũng như thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn. Đã chuyển đổi một số doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phẩn đảm bảo đúng quy định[[37]](#footnote-37).

**6. Hiện đại hóa hành chính**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính đã được đầu tư và cải thiện đáng kể; hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng của CBCCVC; một số cơ quan ứng dụng công nghệ thông tin đạt hiệu quả cao[[38]](#footnote-38). 100% cơ quan kết nối, liên thông các hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã; đến nay, 98% văn bản của các cơ quan chuyên môn được trao đổi dưới dạng văn bản điện tử. 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, 221/262 UBND cấp xã có Cổng/Trang thông tin điện tử (tăng thêm 217 đơn vị cấp xã triển khai so với năm 2015). Việc công khai minh bạch các nhóm thông tin theo Quyết định 739/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh đã được các cơ quan, địa phương quan tâm triển khai. Cổng thông tin điện tử tỉnh được xây dựng và tích hợp, liên kết 44 trang thông tin của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

 Thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến; toàn tỉnh đã đưa vào vận hành, cung cấp 2.139 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của 922 thủ tục hành chính các cấp, 100% TTHC được cung cấp ở mức độ 1 và 2 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, biểu mẫu cho người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, ngành Điện lực và ngành Thuế cung cấp 181 dịch vụ công trực tuyến mức 3; các ngành Hải quan, Bảo hiểm xã hội cung cấp bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo ngành dọc.

Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc *“Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước”*, Kế hoạch số 60/KH-UBND của UBND tỉnh[[39]](#footnote-39), đến nay toàn tỉnh đã có 147 cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001[[40]](#footnote-40), trong đó có 40 cơ quan áp dụng phiên bản TCVN ISO 9001:2015. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý và hỗ trợ đắc lực cho công tác CCHC trong thời gian qua.

Việc đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được quan tâm. Đến nay, hầu hết các sở, ban, ngành, UBND các cấp đều có trụ sở làm việc đáp ứng yêu cầu, trang thiết bị làm việc từng bước được đầu tư hiện đại; một số đơn vị sự nghiệp được đầu tư xây dựng trụ sở mới hoặc nâng cấp đảm bảo phù hợp. Chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực công nghệ thông tin được quan tâm[[41]](#footnote-41).

*(Số liệu cụ thể tại Phụ lục số 1,2,3,4,5,6,7)*

**III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Những tồn tại, hạn chế, vướng mắc**

***1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành***

Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức, chưa quyết liệt trong việc theo dõi, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC nên hiệu quả một số lĩnh vực còn thấp. Một số nội dung trong việc triển khai CCHC chưa bám sát kế hoạch, mức độ hoàn thành qua các năm chưa cao[[42]](#footnote-42).

Việc thực hiện trách nhiệm người đứng đầu của một số đơn vị, địa phương theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về *“Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC”* chưa nghiêm; đa số các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về giải quyết TTHC định kỳ 6 tháng theo quy định; chưa có chế tài cụ thể để xử lý trách nhiệm người đứng đầu, đảm bảo tính nghiêm minh trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

Việc chấm điểm Chỉ số CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương ở một số nội dung chưa thực sự đánh giá chính xác, sát đúng với đặc điểm và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị, địa phương; sắp xếp các đơn vị theo khối để chấm điểm chưa phù hợp, còn bất cập.

Công tác thanh tra, kiểm tra CCHC một số thời điểm chưa thường xuyên, vẫn còn tình trạng ban hành kế hoạch nhưng không tổ chức thực hiện; việc khắc phục những tồn tại, hạn chế được chỉ ra sau thanh tra công vụ, kiểm tra CCHC ở một số đơn vị chưa kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc. Công tác tự kiểm tra việc thực hiện CCHC của các sở, ngành và kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc chưa hiệu quả.

Sự phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương chưa thật sự đồng bộ dẫn đến tình trạng bị động, vướng mắc trong xử lý một số công việc, kéo dài thời gian thực hiện.

Một số đơn vị việc phổ biến, giáo dục pháp luật; thông tin, tuyên truyền về CCHC hiệu quả chưa cao, chưa tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của một số CBCCVC và Nhân dân về các nội dung liên quan đến Chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ và các chủ trương CCHC của tỉnh.

Mặc dù các chỉ số đánh giá cấp tỉnh (PAR INDEX; PCI; PAPI; SIPAS) tăng cao so với những năm trước; tuy vậy trong từng chỉ số, các tiêu chí tăng chưa đồng đều, còn một số tiêu chí điểm không cao, tụt hạng so năm trước và xếp hạng thấp trong cả nước[[43]](#footnote-43).

***1.2. Cải cách thể chế***

Việc tham gia góp ý xây dựng luật, các nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, quyết định của Chính phủ và các văn bản QPPL của các Bộ, Ngành trung ương một số nội dung chất lượng chưa cao, còn hình thức.

Dự báo tình hình, nhu cầu thực tiễn và những yêu cầu đối với xây dựng các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chưa được chú trọng đúng mức. Tham mưu, đề xuất của các cấp, các ngành về cải cách thể chế một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, do vậy tỉnh chưa ban hành được nhiều cơ chế, chính sách hoặc chưa có chính sách đủ mạnh để phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và thu hút các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước...[[44]](#footnote-44)

Việc thực hiện các quy trình, thủ tục trong xây dựng văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp chưa chặt chẽ, nghiêm túc như: Việc đề nghị xây dựng văn bản QPPL, tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách dự kiến ban hành; việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và việc thông qua tập thể UBND trước khi trình HĐND cùng cấp chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật...nên chất lượng nội dung và tính khả thi chưa cao[[45]](#footnote-45). Việc soạn thảo văn bản QPPL ở một số sở, ngành chưa đảm bảo về tiến độ; chưa huy động nhiều chuyên gia pháp luật trong công tác soạn thảo văn bản QPPL. Cá biệt vẫn còn tình trạng văn bản QPPL ban hành trái thẩm quyền, không phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, nhất là ở cấp xã.

Việc tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL chưa thực sự được quan tâm; một số sở, ngành chưa chủ động, tích cực tham mưu cho UBND rà soát, bãi bỏ, sửa đổi các văn bản QPPL không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành[[46]](#footnote-46).

Một số sở, ngành còn thiếu chủ động, chưa kịp thời tham mưu HĐND, UBND ban hành các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của tỉnh do văn bản QPPL cấp trên giao[[47]](#footnote-47). Bên cạnh đó, một số văn bản QPPL liên quan đến cơ chế, chính sách mặc dù đã được các ngành chuẩn bị khá kỹ nhưng trình lên UBND tỉnh thì chậm được xem xét, ban hành hoặc cho ý kiến, dẫn đến chậm tiến độ thực hiện so yêu cầu của văn bản QPPL cấp trên giao và chậm thời gian triển khai các cơ chế, chính sách[[48]](#footnote-48). Vai trò của UBND tỉnh trong việc xử lý các nội dung chưa thống nhất giữa các ngành, địa phương chưa tốt nên một số văn bản để kéo dài thời gian ban hành.

Một số cơ chế, chính sách chậm đi vào cuộc sống, chưa được quan tâm triển khai, phổ biến; tổ chức thực hiện hiệu quả chưa cao, thiếu tập trung nguồn lực để thực hiện...[[49]](#footnote-49).

***1.3. Cải cách thủ tục hành chính***

Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện đơn giản hóa và áp dụng giải quyết các TTHC ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

Việc cập nhật, niêm yết, công khai TTHC ở một số nơi chưa khoa học, đầy đủ và đúng quy định theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ *“Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC”*, đang chủ yếu niêm yết công khai trên bảng tại trụ sở cơ quan, đơn vị, chưa thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận; bị hư hỏng không được thay thế kịp thời, nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

Hiệu quả công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC chưa cao. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức việc thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định hành chính bất cập, chồng chéo gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, nhất là đề xuất giảm hồ sơ, thủ tục. Một số TTHC được đơn giản hóa nhưng hồ sơ, thành phần trong từng thủ tục vẫn còn rườm rà, một số nơi cơ quan, đơn vị còn yêu cầu người dân phải cung cấp những hồ sơ ngoài thủ tục quy định. Số lượng TTHC được tự rà soát để kiến nghị cắt giảm, bãi bỏ, đơn giản hóa còn thấp, có nơi triển khai thực hiện còn hình thức (có báo cáo phương án đơn giản hóa nhưng không có nội dung đề xuất cắt giảm…)

Bên cạnh đó, quá trình thực hiện chủ trương cắt giảm 1/3 thành phần hồ sơ và 1/2 thời gian giải quyết còn có những hạn chế nhất định, nhất là một số lĩnh vực tính chất phức tạp, đòi hỏi phải có nhiều thời gian kiểm tra, xác minh nhằm đảm tính pháp lý của hồ sơ thủ tục. Tuy vậy, do thời gian giải quyết rút ngắn nên một số đơn vị thực hiện còn lúng túng, tạo áp lực lớn cho cán bộ giải quyết; một số thủ tục liên thông quy định thời gian thực hiện tại cấp xã quá ngắn, gây khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

Tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hẹn, xử lý chậm vẫn còn, chủ yếu tập trung ở một số lĩnh vực phức tạp như đầu tư, đất đai, chế độ chính sách xã hội...Đa số các hồ sơ chỉ thực hiện việc tiếp nhập bước đầu tại Bộ phận Một cửa, xử lý và giải quyết hồ sơ tại chổ chưa được nhiều, tình trạng chậm trả lại hồ sơ có sai sót sau kiểm tra, thẩm định vẫn còn. Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm thực hiện việc gửi văn bản xin lỗi người dân, doanh nghiệp do giải quyết hồ sơ quá hạn. Một số lĩnh vực người dân, doanh nghiệp còn nhiều ý kiến trong việc giải quyết TTHC hoặc các nội dung về sản xuất, kinh doanh liên quan đến TTHC[[50]](#footnote-50).

Qua kiểm tra hồ sơ của một số sở, ngành, UBND cấp huyện cho thấy, việc quản lý, sử dụng tài khoản Dịch vụ công tại một số đơn vị có biểu hiện chưa nghiêm túc, chưa sử dụng thường xuyên phần mềm hệ thống DVC làm công cụ chuyển và xử lý hồ sơ; còn có hiện tượng một người được giao quyền truy cập vào nhiều tài khoản của đơn vị trên hệ thống Dịch vụ công để cập nhật thông tin. Một số đơn vị còn để hồ sơ chờ bổ sung, trả lại trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến nhiều[[51]](#footnote-51); vẫn còn tình trạng hồ sơ thừa thành phần thủ tục so với quy định[[52]](#footnote-52), hoặc sau khi tiếp nhận hồ sơ chậm trễ đã không thực hiện việc xử lý hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

Sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC còn hạn chế, nhất là đối với các TTHC liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong quy trình xử lý. Quy định trong nội bộ của một số cơ quan, đơn vị để giải quyết TTHC chưa được chú ý xây dựng và ban hành ổn định, hợp lý; quy trình khép kín trong các khâu như tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa còn thiếu chặt chẽ. Công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động Bộ phận Một cửa, cán bộ, công chức trực tại đây chưa được thực hiện thường xuyên.

Việc bố trí cán bộ, công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh của một số sở, ngành và ở cấp huyện còn bất cập, chưa hợp lý, chất lượng xử lý công việc đạt thấp; một số cán bộ, công chức kỹ năng giao tiếp hành chính còn hạn chế, hướng dẫn thiếu chu đáo, nhiệt tình khiến người dân, doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian đi lại, gây bức xúc. Một số nơi thực hiện cơ chế “Một cửa, Một cửa liên thông” đang còn hình thức, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhiều Bộ phận Một cửa tại các địa phương còn thiếu và lạc hậu nhưng chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động của Bộ phận Một cửa và chương trình CCHC hiện nay[[53]](#footnote-53).

***1.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước***

Một số cơ quan, đơn vị việc thành lập hoặc xác định vị trí pháp lý, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động chưa rõ ràng, chưa đúng với quy định của Trung ương[[54]](#footnote-54); còn bất cập, chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ trong quản lý của cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp[[55]](#footnote-55).

Việc phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp chưa rõ ràng, cụ thể, nhất là phân cấp cho các địa phương không nhiều và chưa triệt để, dẫn đến hiệu lực, hiệu quả phân cấp chưa cao, gây chậm trễ, ách tắc, khó khăn cho địa phương, cơ sở. Phân công nhiệm vụ trong nội bộ một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa hợp lý; có nơi bố trí cấp phó không đúng quy định cả về số lượng và giao công việc kiêm nhiệm.

Triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW và việc rà soát, phân loại sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập để giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức biên chế và tài chính theo Nghị quyết 19-NQ/TW còn chậm. Một số cơ quan, đơn vị sau khi kiện toàn, sắp xếp chưa thực sự đổi mới cơ chế hoạt động, hiệu quả còn hạn chế; sắp xếp tổ chức bộ máy chưa gắn với tinh giản biên chế, cá biệt còn sáp nhập theo tính cơ học... Cơ cấu tổ chức, sự phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa đạt yêu cầu, vẫn còn mâu thuẫn, chồng chéo.

Chất lượng thẩm định đề án vị trí việc làm chưa gắn với việc giao biên chế. Chậm phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội...

Việc quy định tổ chức pháp chế và bố trí cán bộ làm công tác pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (theo quy định tại Nghị định 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về *“Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế”*) chưa được quan tâm, đa số các sở, ngành đang bố trí cán bộ văn phòng hoặc thanh tra kiêm nhiệm.

Mặc dù thời gian qua tỉnh đã chú trọng, triển khai quyết liệt, có hiệu quả việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố, tuy vậy do lịch sử để lại nên số lượng thôn, tổ dân phố có quy mô hộ gia đình nhỏ so với quy định hiện hành còn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số thôn, tổ dân phố toàn tỉnh[[56]](#footnote-56); số lượng đơn vị hành chính cấp xã không đảm bảo các tiêu chí diện tích và dân số phải thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập còn khá nhiều[[57]](#footnote-57).

***1.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC***

Chất lượng một bộ phận CBCCVC chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng tuy được chú trọng, số lượng cán bộ, công chức qua các lớp, các khoá đào tạo, bồi dưỡng khá lớn, nhưng nhìn chung chất lượng kỹ năng nghiệp vụ hành chính, trình độ ngoại ngữ, khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, hội nhập còn hạn chế. Đội ngũ công chức làm công tác CCHC cấp xã mặc dù đã được tập huấn, bồi dưỡng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt trong ứng dụng công nghệ thông tin.

Nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tuy đã có một số đổi mới nhưng chất lượng, hiệu quả chưa cao, chưa kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn; một số đơn vị, địa phương việc cử người đi đào tạo, bồi dưỡng chưa gắn với quy hoạch và theo chức danh.

Cơ cấu đội ngũ CBCCVC giữa các cấp và trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương chưa hợp lý, tỷ lệ người làm nhiệm vụ phục vụ cao, nhất là ở khối văn phòng.

Việc phân cấp, phân quyền và thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí CBCCVC chưa mạnh, còn vướng mắc, chưa phát huy được tính tự chủ, gây lúng túng, bị động cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức còn chậm. Việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh hàng năm về thông qua Kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội và chỉ tiêu lao động hợp đồng chưa nghiêm; một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã được giao biên chế (trên cơ sở đã tính toán tinh giản theo lộ trình) nhưng hiện tại thiếu người làm việc với số lượng lớn, đã kéo dài trong nhiều năm nhưng không được tuyển dụng dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ[[58]](#footnote-58). Bên cạnh đó, đối với một số lĩnh vực mặc dù tỉnh đã có chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao[[59]](#footnote-59) nhưng việc thực hiện và kết quả còn hết sức hạn chế, nhất là trên lĩnh vực y tế.

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn tình trạng hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính hoặc là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên, vi phạm Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh *“Về việc chấn chỉnh hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập”* và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về *“Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập”.*

Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền đã được phân cấp chậm thực hiện, ảnh hưởng đến quyền lợi của một bộ phận công chức, viên chức đủ điều kiện.

 Việc đánh giá cán bộ, công chức vẫn còn tình trạng nể nang, chưa thực chất, chính xác, chưa gắn với kết quả, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ hiệu quả chưa cao; số lượng biên chế tinh giản chủ yếu là nghỉ theo chế độ hưu và cắt giảm biên chế đã giao nhưng chưa tuyển dụng.

Việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định đối với công chức, viên chức có nơi thực hiện chưa tốt, chưa phù hợp với thực tiễn[[60]](#footnote-60); chưa gắn việc chuyển đổi vị trí công tác với luân chuyển một số chức danh lãnh đạo quản lý giữ chức vụ nhiều năm ở những lĩnh vực nhạy cảm, thậm chí có dư luận không tốt.

Kỷ cương, kỷ luật hành chính một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được xiết chặt, có nơi còn có hiện tượng buông lỏng.

***1.6. Cải cách tài chính công***

Cải cách tài chính công chủ yếu gặp nhiều khó khăn, vướng mắc ở các đơn vị sự nghiệp công lập, tập trung vào các nội dung sau:

Việc rà soát, phân loại đơn vị sự nghiệp công *(làm cơ sở phân bổ định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương*) nhìn chung chưa sát thực tế, chưa tính toán, xác định đầy đủ các nguồn thu và nhiệm vụ chi, đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, dẫn đến xác định mức độ tự đảm bảo kinh phí của đơn vị chưa chính xác; một số đơn vị không đánh giá thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định[[61]](#footnote-61); bên cạnh đó, tỉnh còn chậm ban hành một số quy định về sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng, quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, do vậy các đơn vị sự nghiệp công lập còn khó khăn, lúng túng trong tổ chức thực hiện và kiểm soát, thanh toán dịch vụ[[62]](#footnote-62).

 Một số đơn vị sự nghiệp sau khi sáp nhập vẫn chưa xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, kinh phí đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo quy định tại Điều 20 Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Lộ trình chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, tiến độ thực hiện còn chậm[[63]](#footnote-63).

Trên lĩnh vực y tế, do thực hiện chính sách thông tuyến trong khám chữa bệnh bảo hiểm y tế nên hầu hết các cơ sở khám chữa bệnh đều chi vượt số quỹ được giao; thủ tục thanh toán vượt trần, vượt quỹ rườm rà, chậm trễ dẫn đến tình trạng các đơn vị gặp khó khăn trong nguồn chi trả các hoạt động chi thường xuyên và tình hình tự chủ của các đơn vị.

Các đơn vị sự nghiệp mặc dù đã thực hiện chế độ tự chủ biên chế, kinh phí quản lý hành chính; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, nhưng mức tăng thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức còn thấp so với quy chế chi tiêu nội bộ cũng như chưa tạo được nguồn cải cách tiền lương, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiến tới chuyển đổi mô hình hoạt động.

Ngoài ra, nhìn chung các cơ quan hành chính nhà nước, đơn sự nghiệp công lập chưa chú trọng, quan tâm đúng mức công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý hành chính và ngân sách; việc công khai tài chính theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về *“Hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”* còn hình thức.

***1.7. Hiện đại hóa hành chính***

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC đã chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong những năm vừa qua nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tình hình mới.

Các phần mềm quản lý chuyên ngành, các hệ thống cơ sở dữ liệu còn ứng dụng riêng lẻ, chưa liên thông đồng bộ và chia sẻ dùng chung; còn có hiện tượng sử dụng nhiều phần mềm xử lý công việc và phần mềm kế toán khác nhau ở cơ quan, đơn vị, địa phương, khó khăn trong tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

Quá trình số hóa hồ sơ, tài liệu quản lý nhà nước (chuyển đổi số) trong các ngành, các địa phương diễn ra chậm; hệ thống phần mềm một cửa và dịch vụ công trực tuyến, phần mềm quản lý văn bản và điều hành còn một số khó khăn trong tổ chức vận hành; trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh quy mô nhỏ, hạn chế về công nghệ, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức triển khai các hệ thống thông tin dùng chung, tập trung của tỉnh; hạ tầng an toàn thông tin, việc bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước còn bất cập.

Công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân tiếp cận, khai thác dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn hạn chế; số hồ sơ phát sinh tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và số thủ tục có phát sinh hồ sơ dịch vụ công trực tuyến còn thấp[[64]](#footnote-64).

Chất lượng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 tại một số cơ quan hành chính nhà nước chưa thống nhất, còn mang tính hình thức; số TTHC bắt buộc phải xây dựng quy trình và áp dụng ISO tại một số cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện chưa thực hiện đầy đủ. Quy trình quản lý chất lượng chậm được đổi mới (hiện chỉ mới 40 cơ quan đơn vị trên địa bàn áp dụng phiên bản TCVN ISO 9001:2015).

Tỷ lệ các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hành chính cấp xã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 còn thấp (cấp xã: 52/262 xã, đạt 19,8%).

Mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước ở một số địa phương còn gặp khó khăn, chật hẹp, xuống cấp, không đảm bảo theo quy định; việc xử lý một số trụ sở cũ do các cơ quan đã chuyển sang trụ sở, địa điểm mới còn chậm, gây lãng phí, mất mỹ quan đô thị; trang bị phương tiện cho các cơ quan, đơn vị chưa đảm bảo định mức chung...

**2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

***2.1. Nguyên nhân khách quan***

(1) Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương chưa cụ thể và thống nhất, có nội dung còn bất cập, chồng chéo nên gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện[[65]](#footnote-65).

Các văn bản QPPL có quy định về TTHC thường xuyên thay đổi tạo áp lực lớn khiến các sở, ban, ngành phải liên tục rà soát, dự thảo Quyết định công bố TTHC mới, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và tiến độ thực hiện TTHC. Việc liên thông giải quyết TTHC giữa các cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn còn vướng mắc do các quy định riêng của ngành dọc ở Trung ương.

Việc thể chế hóa các chủ trương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) của các cơ quan Trung ương còn chậm nên ảnh hưởng đến lộ trình thực hiện ở địa phương. Một số Luật, Nghị định và các văn bản hướng dẫn còn bất cập, có nội dung thiếu thống nhất nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản thay thế kịp thời[[66]](#footnote-66).

(2) Cơ chế, chính sách khuyến khích việc sắp xếp tinh gọn tổ chức, biên chế chưa phù hợp, thiếu mạnh mẽ. Việc phân bổ kinh phí thường xuyên theo biên chếchưa gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vịlà một trong những nguyên nhân khó khăn trong tinh giản biên chế.

Điều kiện kinh tế, nguồn thu và khả năng ngân sách của các địa phương còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí cho công tác CCHC nói chung và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác CCHC cũng như tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nói riêng còn hạn chế.

Việc thực hiện, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 số lượng hồ sơ tiếp nhận không nhiều, do tâm lý người dân, doanh nghiệp vẫn ngại tham gia, cùng với đó là hạn chế về điều kiện, trình độ về công nghệ thông tin...

***2.2. Nguyên nhân chủ quan***

Nhận thức của đội ngũ CBCCVC của một số cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác CCHC chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, chưa thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng và tác động tích cực của CCHC đối với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn tại đơn vị[[67]](#footnote-67).

Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự quan tâm công tác CCHC, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC chưa toàn diện trên cả 6 nội dung, thiếu kiểm tra, đôn đốc, giám sát; thậm chí có nơi còn khoán trắng trách nhiệm cho cấp phó hoặc công chức trực tiếp tham mưu; hàng năm chưa lấy kết quả CCHC làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

Nhận thức về mục đích, yêu cầu và trách nhiệm triển khai thực hiện chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự đầy đủ, nhất quán; chưa thể hiện quyết tâm cao trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đội ngũ chuyên gia đầu ngành để thực hiện việc tham mưu xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật của tỉnh còn ít.

Một số đơn vị trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy chưa tính toán, dự báo đầy đủ những khó khăn, vướng mắc (về tài chính, đầu tư xây dựng, cơ sở vật chất, chức năng, nhiệm vụ, nhân sự...) nên dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện hoặc thực hiện sắp xếp mang tính cơ học. Một số đơn vị chưa chủ động trong việc xây dựng đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo hướng dẫn của Trung ương và tỉnh.

Việc thu hút nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao ở một số lĩnh vực còn gặp khó khăn do chính sách chưa đủ hấp dẫn, môi trường, điện kiện làm việc chưa đáp ứng...

Tinh thần, trách nhiệm của một bộ phận CBCCVC trong thực thi công vụ còn hạn chế, nhất là trong giải quyết TTHC cho các tổ chức, cá nhân[[68]](#footnote-68); tệ quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà, nhũng nhiễu cho người dân, doanh nghiệp vẫn còn; tính công khai, minh bạch trong giải quyết công việc, thực thi nhiệm vụ một số cơ quan, đơn vị chưa rõ ràng. Một số bộ phận nhỏ CBCCVC có dấu hiệu giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, thiếu phấn đấu, rèn luyện vươn lên; năng lực thực tiễn và kinh nghiệm công tác chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tính tích cực, chủ động, trách nhiệm vì công việc chung trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, giữa các cơ quan chuyên môn của UBND các cấp ở một số lĩnh vực chưa cao, còn tình trạng đùn đẩy, né tránh, chậm cùng nhau phối hợp tham mưu, giải quyết.

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Đối với Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương**

(1) Đề nghị Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, trong đó quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan, đẩy mạnh phân cấp giữa Trung ương và địa phương, cơ quan Nhà nước thẩm quyền chung với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền riêng; tăng cường phân cấp quản lý các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công; sớm khắc phục tình trạng không đồng bộ trong quy định pháp luật (Luật đã có hiệu lực nhưng chờ Nghị định, Nghị định chờ Thông tư...).

(2) Đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 nhằm quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền; xác định rõ nguyên tắc phân cấp, phân cấp; khắc phục những khó khăn, vướng mắc về một số quy định liên quan cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐND các cấp, các cơ quan của HĐND các cấp, đại biểu HĐND các cấp; chế độ chính sách liên quan...để phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Khoản 4 Điều 14 về việc cấm quy định TTHC trong  nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, quyết định của UBND cấp tỉnh, để phù hợp với thực tiễn, nhất là khi địa phương ban hành chính sách cần những cam kết, thủ tục nhằm ràng buộc vị trí, trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhận thực hiện hoặc thụ hưởng; Điều 30 về việc HĐND cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định là văn bản QPPL để quy định những vấn đề được luật giao, để tạo hành lang pháp lý cho chính quyền địa phương khi ban hành các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương khi những nội dung này không được giao trong luật).

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức phù hợp với tình hình hiện nay, nhất là các nội dung liên quan đến quy định đối tượng, chế độ chính sách; việc tuyển dụng; thi nâng ngạch, thăng hạng; việc đánh giá, phân loại, xử lý kỷ luật CBCCVC.

Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 1138/HD-UBTVQH13 về nội dung *“Căn cứ vào kết quả bầu của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện ra quyết định bổ nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân vào chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn tương ứng thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp (trừ Ủy viên phụ trách công an và Ủy viên phụ trách quân sự)”* nhằm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến sắp xếp, sáp nhập xã (Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính) đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

(3) Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, Ngành Trung ương ban hành các văn bản QPPL đồng bộ, có tính ổn định lâu dài, hạn chế sửa đổi, bổ sung trong khoảng thời gian ngắn, để tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện ở địa phương.

 Sớm thể chế hóa các văn bản QPPL có liên quan đến tổ chức bộ máy, tạo hành lang pháp lý cho các địa phương thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Trước mắt, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 4/4/2014 về *“Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”*; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014 về *“Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh”.*

Sửa đổi, bổ sung Nghị định 41/NĐ-CP ngày 08/5/2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập để các địa phương chủ động phê duyệt đề án vị trí việc làm và thực hiện công tác tuyển dụng, bố trí viên chức và các chính sách liên quan; Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Ban hành một số chính sách hỗ trợ, giải quyết chế độ dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy; chính sách đào tạo lại CBCCVC để tạo điều kiện cho các tỉnh khó khăn về ngân sách địa phương.

Xây dựng quy trình thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị về tình hình thực thi pháp luật.

(4) Đề nghị các bộ, ngành Trung ương kịp thời thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung, công bố đầy đủ và ban hành các TTHC, văn bản QPPL có quy định về TTHC của các cấp chính quyền (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) để địa phương tổ chức thực hiện thuận lợi; đồng thời rà soát, nghiên cứu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC còn rườm rà, phức tạp, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp.

Nghiên cứu, hướng dẫn tháo gỡ những bất cập, hạn chế, vướng mắc hiện nay trong thực hiện các TTHC trên các lĩnh vực, như việc xử lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai một cấp; thủ tục hành chính về lý lịch tư pháp; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; chuyển quyền sở hữu phương tiện giao thông...

Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện tự chủ đối với các lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin, Truyền thông, Báo chí để các địa phương sớm thực hiện lộ trình chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang doanh nghiệp. Quy định về giá dịch vụ, đảm bảo tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí và lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Nghiên cứu hướng dẫn các giải pháp để thực hiện tinh giản biên chế tối thiểu 10% đối với đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục vì số lượng biên chế được tính trên cơ sở sĩ số học sinh, số lớp học; nếu tính tỷ lệ chung tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập mà bao gồm cả sự nghiệp giáo dục thì sẽ khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Nghiên cứu xây dựng hệ số làm cơ sở xác định tổng biên chế được giao căn cứ vào điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình kinh tế, xã hội của từng địa phương; từ đó khoán biên chế để các địa phương chủ động bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế cho phù hợp.

Ban hành văn bản hướng dẫn chế độ, chính sách đối với CBCCVC làm việc tại Bộ phận Một cửa theo quy định tại điểm a Khoản 2, Điều 34 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; hướng dẫn việc bố trí, sử dụng đội viên Đề án 500 (Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020), nhất là trong giai đoạn đang thực hiện tinh giản biên chế như hiện nay, để đội viên yên tâm công tác và cống hiến cho địa phương.

Các bộ, ngành Trung ương có cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương cần quan tâm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện TTHC, quan tâm gắn kết thực hiện chương trình và mục tiêu CCHC giữa ngành và địa phương đạt hiệu quả, nhất là việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, việc đưa các TTHC về tiếp nhận và giải quyết tại Trung tâm hành chính công các cấp.

**2. Đối với UBND tỉnh**

(1) Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung CCHC theo quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP, Quyết định 225/QĐ-TTg; quán triệt thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng, các kết luận, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh CCHC, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình CCHC.

Tiếp tục chỉ đạo tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phố biến, giáo dục pháp luật về CCHC để nâng cao nhận thức cho CBCCVC và Nhân dân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

(2) Tăng cường kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã đối với công tác CCHC. Kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt; chỉ đạo xử lý nghiêm túc đối với các cơ quan, cán bộ, công chức vi phạm các quy định trong giải quyết TTHC. Thực hiện tốt việc gắn kết quả giải quyết TTHC, kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC với việc đánh giá, xếp loại CBCCVC và công tác thi đua khen thưởng; không công nhận các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp tỉnh đối với những người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị có chỉ số xếp hạng CCHC thấp.

(3) Sửa đổi Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh về *“Quy chế và Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh”*.

Sửa đổi, điều chỉnh phương pháp chấm điểm chỉ số CCHC một cách phù hợp, chính xác, khách quan, công bằng, sát đúng với đặc điểm, tính chất và kết quả, hiệu quả thực hiện CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật; tích cực, chủ động trong dự báo tình hình để tham mưu và ban hành các văn bản QPPL liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo vừa toàn diện trên các lĩnh vực, vừa có trọng tâm, trọng điểm, trên cơ sở nguồn lực của tỉnh để đảm bảo tính khả thi cao.

Tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn để ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản về phân cấp, phân quyền trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, các ngành theo hướng: Phân cấp mạnh, minh bạch, thiết thực và hiệu quả.

Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nâng cao chất lượng tham mưu, ban hành các văn bản QPPL, thực hiện nghiêm các quy trình trong xây dựng văn bản, đặc biệt là việc tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động của chính sách. Hạn chế tối đa và tiến tới chấm dứt tình trạng các văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành trái pháp luật.

Tăng cường tập huấn, hướng dẫn các quy định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL theo quy định.

(5) Tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp tăng cường rà soát các TTHC để kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục rườm rà, phức tạp, nhằm rút ngắn thời gian giải quyết, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Ban hành quy định trách nhiệm phối hợp, quy trình giải quyết TTHC liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp trong địa bàn tỉnh; giữa các cơ quan chuyên môn cấp huyện với các xã, phường, thị trấn để khắc phục tình trạng hồ sơ chậm giải quyết, quá hạn và trả nhiều lần.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh xã hội hóa và gắn kết chặt chẽ với tinh giản biên chế trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chỉ đạo các đơn vị, địa phương xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm (đối với một số đơn vị hành chính chưa được phê duyệt hoặc sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy), đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp. Chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định đề án vị trí việc làm sát với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của các sở, ban, ngành, địa phương để điều chỉnh biên chế và giao chỉ tiêu tinh giản biên chế phù hợp tình hình thực tế, tránh bình quân, cào bằng.

 (7) Thực hiện nghiêm túc kế hoạch biên chế đã được HĐND tỉnh giao; kịp thời phê duyệt kế hoạch tuyển dụng số công chức, viên chức còn thiếu tại các cơ quan, đơn vị.

Sửa đổi Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 về quy định quản lý, tổ chức bộ máy biên chế và cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo sự phân cấp, phân quyền và cơ chế tự chủ trong công tác tuyển dụng viên chức theo quy định.

Tham mưu HĐND tỉnh có chính sách đặc thù trong tuyển dụng công chức, viên chức và cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với một số đơn vị gặp nhiều khó khăn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ[[69]](#footnote-69).

(8) Tiếp tục triển khai tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp; đẩy mạnh xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu đảm bảo tính tương thích đồng bộ và thông suốt để nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp.

Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4. Ban hành Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công qua dịch vụ bưu chính công ích thực hiện trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các ngành liên quan khảo sát, quy định cụ thể về quy trình xử lý, tiếp nhận và trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích đồng bộ tại các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

Bố trí kinh phí để đẩy mạnh thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là việc triển khai nâng cấp hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện và xã.

Đẩy mạnh việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo thực chất, hiệu quả. Nghiên cứu đưa tiêu chí xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào tiêu chí đánh giá huyện, xã nông thôn mới.

 (9) Tập trung kiện toàn đội ngũ CBCCVC có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức công vụ tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ về số lượng và cơ chấu hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu CCHC. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC gắn với thực hiện tốt việc quy hoạch, bố trí, sử dụng, luân chuyển, điều động. Chú trọng công tác đánh giá CBCCVC theo quá trình, đảm bảo tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao. Tăng cường kiểm tra và nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm minh, kịp thời những trường hợp vi phạm.

(10) Rà soát để có kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là ở cấp xã để đảm bảo theo quy định.

**3. Đối với các sở, ban, ngành, địa phương**

(1) Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác CCHC toàn diện trên 6 lĩnh vực theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên và theo phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

(2) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, nhất là về các nội dung: Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, triển khai quy định về tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích...

(3) Chủ động và nâng cao chất lượng tham mưu cho tỉnh những nội dung liên quan đến cải cách thể chế về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

(4) Thường xuyên kiểm tra, rà soát các quy định về TTHC thuộc lĩnh vực hoạt động, quản lý của cơ quan, ngành, địa phương để kịp thời phát hiện, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục rườm rà, phức tạp, không cần thiết.

(5) Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý những sai sót của bộ phận hoặc cá nhân có liên quan.

Nâng cao tính chủ động trong theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch thực hiện, khắc phục những hạn chế, tồn tại mà các đợt kiểm tra, thanh tra về CCHC các cơ quan, đơn vị liên quan đã chỉ ra.

(6) Đẩy nhanh tiến độ rà soát các đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện, tiêu chí chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định; kịp thời hướng dẫn các đơn vị sau sáp nhập xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và kinh phí; hàng năm đánh giá, phân loại đơn vị sự nghiệp theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

(7) Thực hiện tốt công tác quản lý biên chế; triển khai có hiệu quả Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, thực hiện tinh giản biên chế đồng bộ với các giải pháp khác. Chấn chỉnh và đi đến chấm dứt việc tuyển dụng, hợp đồng CBCCVC sai quy định.

(8) Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình, trong giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Tích cực, chủ động tham mưu cho tỉnh ban hành các quy định, quy chế về quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh thông suốt, hiệu quả.

(9) UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ đối với UBND cấp xã, tập trung vào những lĩnh vực có nhiều TTHC như tư pháp - hộ tịch, đất đai, chế độ, chính sách,… Nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND cấp xã ban hành, kịp thời phát hiện các sai sót để chấn chỉnh, khắc phục, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;- UBND tỉnh;- Các ban HĐND tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;- Thành viên Đoàn giám sát;- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;- VP Đoàn ĐBQH,HĐND,UBND tỉnh;- Lưu: VT. HĐ­­1. | **TM. ĐOÀN GIÁM SÁT****TRƯỞNG ĐOÀN****Nguyễn Thị Nữ Y**  |

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên - Môi trường; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Y tế; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục Thuế tỉnh và 02 Chi cục trực thuộc; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. Các huyện: Cẩm Xuyên, Đức Thọ, Thành phố Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa 18, CCHC là một trong ba nhiệm vụ đột phá: “...3.Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện”.... [↑](#footnote-ref-3)
4. Năm 2015 xếp thứ 15, năm 2016 xếp thứ 17, năm 2017 xếp thứ 17. [↑](#footnote-ref-4)
5. Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh về CCHC giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Kế hoạch 4114/KH-UBND ngày 24/12/2014 về ban hành Kế hoạch CCHC năm 2015; Kế hoạch số 741/KH-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2016; Kế hoạch số 490/KH-UBND ngày 29/12/2016 về thực hiện cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2017; Kế hoạch số 433/KH-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh về cải cách hành chính năm 2018. [↑](#footnote-ref-5)
6. Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 về Bộ chỉ số đánh giá cải cách hành chính và Quy chế xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh; Chương trình hành động số 406/CTr-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về nâng cao chỉ số PAPI, PAR INDEX giai đoạn 2015-2020; Chương trình hành động số 219/CTr-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP và Nghị quyết số 35-NQ/CP gắn với nâng cao chỉ số PCI năm 2016, 2017 định hướng đến năm 2020; Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Quyết định số 33/2018/QĐ ngày 12/9/2018 thay thế Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh… [↑](#footnote-ref-6)
7. Ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương; kế hoạch tuyên truyền, phổ biến CCHC; kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức… [↑](#footnote-ref-7)
8. Báo Hà Tĩnh xây dựng chuyên mục “ Cải cách hành chính”, đăng tải hơn 700 tin, bài về công tác CCHC; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã phát sóng hơn 350 bản tin, phóng sự ngắn trong chương trình thời sự hàng ngày, xây dựng 6 chuyên đề CCHC; Cổng Thông tin điện tử đã thiết lập chuyên mục “Cải cách hành chính”, hàng năm cập nhật hơn 400 tin, bài tuyên truyền về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, duy trì có hiệu quả các chuyên mục “Doanh nghiệp hỏi, cơ quan nhà nước trả lời”, “Tư vấn hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp”. Các Sở, ngành, địa phương đã tổ chức phát hành hơn 60 ngàn tờ rơi hướng dẫn các quy định của pháp luật về cải cách hành chính, trật tự đô thị, đất đai, nhà ở, kinh doanh, lao động việc làm, liên kết cổng dịch vụ công của tỉnh đăng tải trên 3.500 tin bài, văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC... Tổ chức 90 lớp tập huấn cho trên 15.000 người dân, doanh nghiệp về sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4… [↑](#footnote-ref-8)
9. Hàng năm thành lập đoàn kiểm tra CCHC, tiến hành định kỳ 02 đợt đồng thời kết hợp thẩm định chỉ số cải cách hành chính tại 20/20 sở, ngành cấp tỉnh, 13/13 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và 6/6 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn. [↑](#footnote-ref-9)
10. Trong 4 năm đã tiến hành thanh tra công vụ tại 27 đơn vị, trong đó: 3 sở; 3 huyện; 6 xã; 16 đơn vị trực thuộc. [↑](#footnote-ref-10)
11. Qua tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền, phát hiện 06 văn bản (đối với cấp tỉnh) sai về nội dung, thẩm quyền ban hành; 04 văn bản (đối với cấp huyện, cấp xã) có nội dung chưa phù hợp với quy định của văn bản cấp trên.

Rà soát 5.402 lượt văn bản, đề nghị xử lý 307 văn bản. Hiện đang rà soát, hệ thống hóa kỳ 2014-2018 với 2.186 lượt văn bản, trong đó cấp tỉnh 632 lượt văn bản, cấp huyện 211 lượt văn bản , cấp xã 1.343 lượt văn bản. [↑](#footnote-ref-11)
12. Trong đó có 1.363 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan cấp tỉnh; 325 TTHC thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện và 152 TTHC thuộc thẩm quyền UBND cấp xã. [↑](#footnote-ref-12)
13. Đến nay, đã giảm được 2.157 thành phần hồ sơ và 21.706,5 ngày giải quyết so với quy định của Trung ương (riêng năm 2015, giảm được 1377/5633 thành phần hồ sơ, đạt tỷ lệ 24,4%; giảm 12.081/21.971 ngày giải quyết TTHC, đạt tỷ lệ 55%). [↑](#footnote-ref-13)
14. Quyết định 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ (thay thế Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018; [↑](#footnote-ref-14)
15. TTHC của ngành Thuế, Công an, Bảo hiểm xã hội, thủ tục dịch vụ của ngành điện. [↑](#footnote-ref-15)
16. HĐND tỉnh dã ban hành Nghị quyết số 77/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 về quy định mức chi thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về việc quy định tạm thời chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm hành chính công tỉnh, Trung tâm hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-16)
17. Năm 2015, tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết ở 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là 1.366.655, **quá hạn 998 hồ sơ**, trong đó: cấp tỉnh nhận giải quyết 81.805 hồ sơ, quá hạn 0; cấp huyện nhận giải quyết 151.521 hồ sơ, quá hạn 97 hồ sơ; cấp xã nhận giải quyết 1.133.329 hồ sơ, quá hạn 901 hồ sơ. Năm 2016 tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết ở 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là 1.493.967 hồ sơ, **quá hạn 1.205 hồ sơ**, trong đó: cấp tỉnh nhận giải quyết 82.762 hồ sơ, quá hạn 81 hồ sơ; cấp huyện nhận giải quyết 129.384 hồ sơ, quá hạn 48 hồ sơ; cấp xã nhận giải quyết 1.281.821 hồ sơ, quá hạn 1076 hồ sơ. Năm 2017, tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết ở 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là 1.303.906 hồ sơ, **quá hạn 489 hồ sơ,** trong đó: cấp tỉnh nhận giải quyết 71.367 hồ sơ, quá hạn 113 hồ sơ; cấp huyện nhận giải quyết 131.665 hồ sơ, quá hạn 245 hồ sơ; cấp xã nhận giải quyết 1.100.874 hồ sơ, quá hạn 131 hồ sơ. Năm 2018, tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết ở 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là 873.387 hồ sơ, **quá hạn 1.015 hồ sơ**, trong đó cấp tỉnh nhận giải quyết 77.833 hồ sơ, quá hạn 21 hồ sơ; cấp huyện nhận giải quyết 119.649 hồ sơ, quá hạn 401 hồ sơ; cấp xã nhận giải quyết 675.905 hồ sơ, quá hạn 593 hồ sơ. [↑](#footnote-ref-17)
18. UBND tỉnh đã ký kết thỏa thuận hợp tác triển khai với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; các đơn vị: Bảo hiểm xã hội, Công an tỉnh, Sở Công thương, sở Lao động – Thương binh – Xã hội, sở Y tế, sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch, sở Tài nguyên – Môi trường, sở Thông tin – Truyền thông, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Lộc Hà và 13 xã thuộc huyện Lộc Hà đã có thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích. Thời gian qua, Bưu điện tỉnh tiếp nhận và trả kết quả 471/462 hồ sơ (trong đó hồ sơ tiếp nhận 43.010 và trả kết quả 428.452 hồ sơ). [↑](#footnote-ref-18)
19. Năm 2018 có 992 thủ tụccung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 22 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (chưa kể thủ tục của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn). [↑](#footnote-ref-19)
20. Sở Thông tin và Truyền thông giảm 01 phòng; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giảm 03 phòng; Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 01 phòng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giảm 02 phòng; Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 01 phòng; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giảm 02 phòng; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh giảm 03 phòng; Sở Kế hoạch và Đầu tư giảm 02 phòng; Sở Công Thương giảm 02 phòng; Sở Xây dựng giảm 02 phòng, Sở Nội vụ giảm 01 phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 02 phòng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giảm 02 phòng, Sở Tư pháp giảm 02 phòng, Sở Ngoại vụ giảm 02 phòng, Thanh tra tỉnh giảm 01 phòng; giảm 03 chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gồm: Sáp nhập Chi cục Lâm nghiệp vào Chi cục Kiểm Lâm; hợp nhất Chi cục Khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản với Chi cục Nuôi trồng thủy sản thành Chi cục Thủy sản; thành lập Chi cục Thủy lợi trên cơ sở tổ chức lại Chi cục Quản lý đê điều - Phòng chống lụt bão và Chi cục thủy lợi); giảm 02 Chi cục thuộc Sở (Sở Nội vụ giảm 01; Sở Công thương giảm 01). [↑](#footnote-ref-20)
21. Chi cục Quản lý thị trường (Sở Công Thương) giảm 03 phòng chuyên môn và 07 đội quản lý thị trường; tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có: Chi cục Kiểm lâm 01 phòng, sáp nhập Hạt Kiểm lâm Kẻ Gỗ vào Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Xuyên (giảm 01 hạt); Chi cục Thủy sản giảm 01 phòng; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật giảm 01 phòng; Chi cục Chăn nuôi và Thú y giảm 02 phòng và 01 trạm; Chi cục Thủy lợi giảm 02 phòng; Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản giảm 02 phòng; Chi cục Phát triển nông thôn giảm 01 phòng; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Sở Khoa học và Công nghệ) giảm 01 phòng; tại Sở Nội vụ có Chi cục Văn thư – Lưu trữ giảm 03 phòng, Ban Tôn giáo giảm 01 phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng giảm 02. [↑](#footnote-ref-21)
22. Hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng HĐND và Văn phòng UBND tỉnh thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh; hợp nhất 02 Đảng ủy khối: Các cơ quan tỉnh và khối doanh nghiệp thành Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh. [↑](#footnote-ref-22)
23. Thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển sang; Chuyển Trung tâm cấp nước Khu kinh tế tỉnh (đơn vị sự nghiệp công) về Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh quản lý, hoạt động theo cơ chế Công ty cổ phần; Chuyển giao Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về Sở Tư pháp; Sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên thành phố Hà Tĩnh vào Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm tỉnh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. [↑](#footnote-ref-23)
24. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các trường học, tinh giản biên chế dự kiến giảm khoảng 10 % trường mầm non và phổ thông công lập; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước; có 10% trường mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông tự chủ về tài chính; cụ thể: giảm 72 trường học công lập; 1.358 biên chế quản lý hành chính, giáo viên dôi dư ở các trường học trong toàn tỉnh.

Lĩnh vực Y tế: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (giảm 05 trung tâm y tế tuyến tỉnh), Quyết định số 2844/QĐ-UBND về thành lập Trung tâm Pháp y - Y khoa tỉnh (giảm 01 đơn vị); thời gian tới sẽ thực hiện việc hợp nhất các đơn vị y tế tuyến tuyến huyện (giảm 24 đơn vị); chuyển 03 bệnh viện tuyến tỉnh sang hoạt động tự chủ, tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên. Phấn đấu đến năm 2025, khả năng tự chủ kinh phí chi thường xuyên trên 50%; về nhân sự dự kiến giảm: Cấp trưởng trung tâm tuyến tỉnh giảm 06; tuyến huyện giảm 24; Cấp phó tuyến tỉnh giảm 03, tuyến huyện giảm 11; viên chức, người lao động dự kiến giảm 80 người làm việc (bộ phận gián tiếp như tổ chức, hành chính, kế toán, lái xe...).

Các lĩnh vực sự nghiệp còn lại: Các sở, ngành, địa phương đang rà soát, đánh giá lại hoạt động, để xây dựng phương án chỉ để lại các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công thiết yếu cho xã hội hóa; các dịch vụ công khác có thể xã hội hóa, nhanh chóng chuyển giao doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đảm nhiệm. Năm 2018, giảm 05 đơn vị sự nghiệp (01 đơn vị thuộc lĩnh vực Lao động – thương binh xã hội, 03 đơn vị thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 01 đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn), chuyển 01 đơn vị sang tự chủ (đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. [↑](#footnote-ref-24)
25. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có: Trung tâm Điều tra quy hoạch, thiết kế nông nghiệp nông thôn giảm 01, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Hương Khê giảm 02, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Hồng Lĩnh giảm 01, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh giảm 01, Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ giảm 01, Vườn Quốc gia Vũ Quang giảm 01, Ban Quản lý các cảng cá bến cá giảm 04, Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giảm 01, Trung tâm Khuyến nông giảm 01; tại Sở Y tế: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh giảm 18, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm giảm 01; tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có: Nhà hát nghệ thuật truyền thống Hà Tĩnh giảm 02, Ban Quản lý di tích tỉnh giảm 01; tại Sở Tài nguyên và Môi trường có Trung tâm Công nghệ thông tin và kỹ thuật tài nguyên môi trường giảm 02. [↑](#footnote-ref-25)
26. Thí điểm hợp nhất Văn phòng cấp ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành một văn phòng chung; thí điểm hợp nhất Ban Tổ chức cấp ủy với phòng Nội vụ, Ủy ban Kiểm tra với Thanh tra tại huyện Đức Thọ. [↑](#footnote-ref-26)
27. Trong đó có 13 đơn vị sau khi hợp nhất Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Đài Truyền thành và Truyền hình thành Trung tâm Văn hóa- Truyền thông; 11 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện về Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên - Môi trường). [↑](#footnote-ref-27)
28. Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về một số chính sách hỗ trợ CBCCVC, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 – 2021 và Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về sửa đổi, bổ sung nội dung về số lượng, mức khoán chi phụ cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. [↑](#footnote-ref-28)
29. Các sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng và Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh [↑](#footnote-ref-29)
30. Trong giai đoạn 2015-2018 đã đào tạo, bồi dưỡng được 11.954 người: Đào tạo sau đại học 332 người (nghiên cứu sinh 15 người, cao học 217 người, chuyên khoa cấp II: 03 người, chuyên khoa cấp I: 87 người). Đào tạo lý luận chính trị 5.770 người (cao cấp 360 người; trung cấp 5.410 người). Bồi dưỡng quản lý nhà nước 2.096 người (chuyên viên cao cấp 16 người, chuyên viên chính 294 người, chuyên viên 1.786 người). Bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ, kiến thức hội nhập 2.280 người. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài: 53 người. [↑](#footnote-ref-30)
31. Năm 2016, tỉnh đã tổ chức thi tuyển và tuyển dụng được 38 công chức; tuyển dụng tiếp nhận 75 người có kinh nghiệm vào công chức theo Nghị định số 24/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; các cơ quan, đơn vị đã tuyển dụng 99 viên chức. [↑](#footnote-ref-31)
32. Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-32)
33. Chuyển đổi vị trí công tác 619 công chức, 770 viên chức, 402 công chức cấp xã. [↑](#footnote-ref-33)
34. Giao tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước: 321/344 đơn vị, đạt 9 3,3% (Cấp tỉnh:54/54 đơn vị, đạt 100% ; cấp huyện : 28/28 đơn vị, đạt 100%; cấp xã: 239/262 đơn vị, đạt 91.2%); Đơn vị sự nghiệp công lập: 908/908 đơn vị, đạt 100%, trong đó : Cấp tỉnh: 124/124 đơn vị (đạt 100%) ; Cấp huyện: 784/784 đơn vị (đạt 100%). [↑](#footnote-ref-34)
35. Gồm những đơn vị: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Nghiên cứu, phát triển Nấm và Tài nguyên sinh vật (Sở Khoa học - Công nghệ); Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (Sở Thông tin - Truyền thông); Viện Quy hoạch và kiến trúc xây dựng (Sở Xây dựng). [↑](#footnote-ref-35)
36. Chính sách đối với học sinh THPT vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 8,2 tỷ đồng; cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách: 395 tỷ đồng; chế độ trợ cấp, phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 1.849 tỷ đồng [↑](#footnote-ref-36)
37. Công ty CP Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh, Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-37)
38. Như Cục thuế, Bảo hiểm xã hội tỉnh,… [↑](#footnote-ref-38)
39. Về việc triển khai xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 trong cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh [↑](#footnote-ref-39)
40. 20/20 CQHCNN cấp tỉnh, 13/13 CQHCNN cấp huyện, 14/14 CQHCNN cấp II, 16 đơn vị sự nghiệp cấp 2 thuộc Sở, ngành và 84/262 CQHCNN cấp xã [↑](#footnote-ref-40)
41. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 93/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2004 về việc quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-41)
42. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Thị xã Kỳ Anh, UBND huyện Hương Khê. [↑](#footnote-ref-42)
43. Trong chỉ số PAPI: Chỉ số cung ứng dịch vụ công (đạt 6,97/10 điểm; xếp thứ 40 toàn quốc, giảm 13 bậc so năm 2017);

Trong chỉ số PAR INDEX: Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC (đạt 10,63/13,5 điểm; xếp thứ 27 toàn quốc, giảm 20 bậc so năm 2017); Chỉ số hiện đại hóa nền hành chính (đạt 8,4/13,5 điểm; xếp thứ 51 toàn quốc, giảm 27 bậc so năm 2017)... [↑](#footnote-ref-43)
44. Chính sách thu hút đầu tư, lựa chọn khuyến khích đầu tư; chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập chất lượng cao; chính sách khuyến khích hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp tự chủ... [↑](#footnote-ref-44)
45. Chương VIII, Chương IX Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL. [↑](#footnote-ref-45)
46. Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh về việc quy định một số nội dung về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 3/7/2017 của UBND tỉnh về việc quy định trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Sở Kế hoạch - Đầu tư); Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Sở Y tế); Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào KKT Vũng Áng và các KCN của tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 22/8/2008 quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại KKT cửa khẩu quốc tế Cầu Treo - Hà Tĩnh; Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 v/v ban hành môt số quy định về sử dụng nguồn thu tiền từ sử dụng đất, cho thuê đất trong KKT cửa khẩu quốc tế Cầu Treo (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh); Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 về ban hành quy định một số nội dung quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỷ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Sở Xây dựng)… [↑](#footnote-ref-46)
47. Sở Tài chính, Sở Y tế. [↑](#footnote-ref-47)
48. Một số văn bản đề xuất HĐND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hoặc đề nghị UBND tỉnh ban hành quyết định QPPL của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Công thương, Nội vụ, Giáo dục đào tạo, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.... [↑](#footnote-ref-48)
49. Một số chính sách theo Nghị quyết 144/2015/NQ-HĐND về một số cơ chế, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên địa bàn tỉnh chậm đi vào cuộc sống như: chính sách luân phiên bác sỹ từ tuyến huyện xuống tuyến xã; chính sách mời chuyên gia về đào tạo và chuyển giao kỷ thuật và chính sách hỗ trợ vay vốn của các tổ chức tín dụng; Chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh theo Nghị quyết 72/2017/NQ-HĐND chưa thực sự phát huy hiệu quả (hiện chỉ mới tuyển dụng 01 người theo chính sách này); Chính sách tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 theo Nghị quyết 94/2014/NQ-HĐND; Một số chính sách về lĩnh vực văn hóa, du lịch.... [↑](#footnote-ref-49)
50. Quy trình khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế, thủ tục giải quyết chế độ chính sách cho người có công, thủ tục vay vốn tại các ngân hàng thương mại, thủ tục về thuế còn rườm rà; thời gian cấp đổi giấy chứng minh nhân dân còn dài...

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất, nhất là tại Khu kinh tế Vũng Áng còn thiếu đồng bộ, nhịp nhàng.

Tại Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, việc phối hợp với cơ quan Kho bạc, Ngân hàng thu thuế, phí mặc dù đã có ý kiến chỉ đạo của tỉnh nhưng đến nay vẫn chưa triển khai, gây khó khăn cho doanh nghiệp cũng như cơ quan thực hiện thu thuế, phí tại đây.

Việc thực hiện một số chương trình, dự án tại Sở KHĐT doanh nghiệp còn có ý kiến phản ánh về thủ tục cấp phép, bố trí vốn... [↑](#footnote-ref-50)
51. Sở Lao động, Thương binh, Xã hội có 135 hồ sơ chờ bổ sung; Sở Kế hoạch - Đầu tư có 99 hồ sơ trả lại trên Hệ thống DVC (Các hồ sơ này được tiếp nhận từ năm 2016 đến 2018); Sở Xây dựng có 27 hồ sơ chờ bổ sung, 19 hồ sơ trả lại; UBND thành phố Hà Tĩnh có 32 hồ sơ tiếp nhận từ năm 2017, 2018 chờ bổ sung trên DVC. [↑](#footnote-ref-51)
52. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, UBND thị xã Hồng Lĩnh, UBND huyện Đức Thọ. [↑](#footnote-ref-52)
53. Điều 13 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. [↑](#footnote-ref-53)
54. Ban quản lý khu kinh tế tỉnh; Văn phòng Nông thôn mới; Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh... [↑](#footnote-ref-54)
55. Chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước và chức năng thực hiện dịch vụ công: (1) Ban quản lý cảng cá, bến cá Hà Tĩnh là đơn vị sự nghiệp nhưng có một số nhiệm vụ được giao lại thuộc về lĩnh vực quản lý nhà nước như truy suất nguồn gốc thủy sản, trực canh báo bão, tìm kiếm cứu nạn, quản lý luồng lạch...; (2) Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi: Vừa thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ thực vật, thú ý vừa thực hiện các dịch vụ kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, vật tư nông nghiệp... [↑](#footnote-ref-55)
56. Số thôn, tổ dân phố nhỏ hơn quy mô quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ là 1.729 thôn, tổ dân phố (chiếm 83,89%). [↑](#footnote-ref-56)
57. Số đơn vị hành chính cấp xã không đạt 50% một trong hai tiêu chuẩn dân số hoặc diện tích: 179 đơn vị; số đơn vị không đạt 50% cả hai tiêu chuẩn diện tích và dân số là: 63 đơn vị. [↑](#footnote-ref-57)
58. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thiếu 173 người, gồm: 65 công chức, 108 viên chức; Sở Y tế thiếu 180 biên chế viên chức và hợp đồng 68; Sở Lao động - Thương binh - Xã hội thiếu 35 biên chế viên chức, chưa kể số biên chế tự chủ; UBND huyện Kỳ Anh thiếu 18 biên chế công chức, UBND huyện Thạch Hà thiếu 12 biên chế công chức… [↑](#footnote-ref-58)
59. Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-59)
60. Một số vị trí yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ; do đó khi chuyển đổi qua vị trí khác không có chuyên môn, không có kinh nghiệm, không được đào tạo ở lĩnh vực mới dẫn đến lúng túng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. [↑](#footnote-ref-60)
61. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. [↑](#footnote-ref-61)
62. UBND tỉnh chưa ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật, Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; chưa ban hành danh mục dịch vụ y tế sử dụng Ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-62)
63. Trường trung cấp Kỹ nghệ, Trường trung cấp nghề Hà Tĩnh thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội. [↑](#footnote-ref-63)
64. Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ (Năm 2015: 02, năm 2016: 02, năm 2017: 02, năm 2018: 36); Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ (Năm 2015: 0, năm 2016: 0, năm 2017: 0, năm 2018: 3).

Số hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3 (Năm 2015: 42 hồ sơ, năm 2016: 47 hồ sơ, năm 2017: 28 hồ sơ, năm 2018: 1446 hồ sơ); Số hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 4 (Năm 2015: 0 hồ sơ, năm 2016: 0 hồ sơ, năm 2017: 0 hồ sơ, năm 2018: 506 hồ sơ) [↑](#footnote-ref-64)
65. Các quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg và việc thực hiện cơ chế này chưa thống nhất, như: Hiện nay còn có mô hình khác nhau về Trung tâm hành chính công; chưa quy định về cơ chế một cửa điện tử; các quy định về Bộ phận một cửa chưa phù hợp với thực tiễn và yêu cầu CCHC trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 35/NQ-CP. Việc tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP khó thực hiện trên thực tế. [↑](#footnote-ref-65)
66. Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật CNTT; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Chậm ban hành các văn bản triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập: Trung ương mới chỉ ban hành được Nghị định số 16/2015/NĐ-CP (là nghị định khung) và 02 Nghị định đối với lĩnh vực Sự nghiệp khoa học công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; còn các lĩnh vực Y tế, Giáo dục và Đào tạo, dạy nghề, văn hóa TTDL, thông tin truyền thông và báo chí chưa có Nghị định;

- Giá các dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố chi phí, chưa khuyến khích được các đơn vị đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, chưa thu hút được nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển; định mức kinh tế, kỹ thuật một số lĩnh vực đã ban hành từ lâu nhưng chưa được điều chỉnh phù hợp. [↑](#footnote-ref-66)
67. Còn tình trạng nhận thức cải cách hành chính chỉ là cải cách thủ tục hành chính; nhận thức về cơ chế tự chủ tài chính còn mang nặng tư tưởng bao cấp, chưa mạnh dạn, quyết liệt trong mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; tư tưởng bao cấp, tâm lý dựa dẫm, trông chờ vào Nhà nước còn khá phổ biến; chưa sử dụng công cụ công nghệ thông tin trong điều hành công việc, chủ yếu chỉ đạo trên văn bản giấy; Nhận thức và thói quen làm việc tùy hứng không theo quy trình ISO ban hành làm ảnh hưởng đến chất lượng áp dụng của cơ quan. [↑](#footnote-ref-67)
68. Năm 2017, Sở Lao động, Thương binh, Xã hội có nhiều hồ sơ giải quyết TTHC trả kết quả còn sai sót thông tin, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTHC. [↑](#footnote-ref-68)
69. Một số cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội, lâm nghiệp, văn hóa nghệ thuật như: Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh; Các ban quản lý rừng; Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh... [↑](#footnote-ref-69)